

Số: /QĐ-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 4418/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Bộ tiêu chuẩn công nhận Trường học số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 19/2025/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình ngày 07 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Sở, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố và các tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT UBND Thành phố;
- Cục KHCNTT Bộ GDĐT;
- UBND các phường, xã, đặc khu (để ph/h chỉ đạo);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VP/Thông.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hiếu

QUY CHẾ

Đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng năm 2026
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc, quy trình, tiêu chuẩn, thẩm quyền và tổ chức thực hiện việc đánh giá, xác định mức độ chuyển đổi số (gọi tắt là đánh giá DTI) trên môi trường số.

2. Quy chế này áp dụng đối với:

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục).

b) Cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu thập, cung cấp, thẩm định dữ liệu chuyển đổi số.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đánh giá DTI (Digital Transformation Index)* là quá trình rà soát, theo dõi, chấm điểm và xếp hạng mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục dựa trên quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ tiêu chuẩn Trường học số do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. *Hệ thống đánh giá DTI ngành Giáo dục và Đào tạo* là nền tảng trực tuyến vận hành tại tên miền do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định, phục vụ công tác tự đánh giá của cơ sở giáo dục và đánh giá của cơ quan quản lý.

3. *Minh chứng số* là các dữ liệu số dùng để chứng minh mức độ đáp ứng các tiêu chí. Minh chứng số bao gồm hai loại:

a) Minh chứng tĩnh: các văn bản, kế hoạch, quyết định, hình ảnh được số hóa (scan, chụp) và tải lên hệ thống.

b) Minh chứng động: các dữ liệu được trích xuất, đồng bộ tự động từ các hệ thống quản lý chuyên ngành (LMS, CSDL ngành, hệ thống quản lý thư viện...) thông qua kết nối API hoặc các phương thức chia sẻ dữ liệu số.

4. *Kỳ đánh giá* là khoảng thời gian xác định để thực hiện quy trình đánh giá DTI. Kỳ đánh giá được chia theo quý và theo năm học.

5. *Dữ liệu hành vi được định danh* là tập hợp các thông tin về hoạt động, tương tác và tiến trình học tập của người học được thu thập tự động từ các nền tảng số, gắn với mã định danh cá nhân duy nhất để phục vụ công tác phân tích, đánh giá.

6. *Chất lượng dữ liệu số* là mức độ đáp ứng của dữ liệu đối với các tiêu chuẩn về tính đúng, đủ, sạch, sống, kịp thời và duy nhất phục vụ công tác quản lý và dạy học.

7. *Dữ liệu giữ chỗ (placeholder data)* là các giá trị tạm thời được sử dụng để lấp đầy các khoảng trống dữ liệu cho đến khi dữ liệu thực tế được cập nhật hoặc hiển thị, dữ liệu dạng này ảnh hưởng nhiều đến chất lượng dữ liệu.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Khách quan và trung thực: kết quả đánh giá phải phản ánh đúng thực trạng chuyên đổi số của cơ sở giáo dục. Không chấp nhận việc làm giả số liệu hoặc cung cấp minh chứng không đúng thực tế.

2. Dựa trên dữ liệu (Data-driven): ưu tiên tối đa sử dụng dữ liệu phát sinh từ quá trình quản lý, dạy và học thực tế (minh chứng động) để đánh giá. Giảm việc báo cáo bằng hồ sơ giấy hoặc các dữ liệu nhập tay không có tính kiểm chứng.

3. Công khai và minh bạch: bộ tiêu chí, thang điểm và kết quả đánh giá được công khai trên hệ thống để các cơ sở giáo dục theo dõi, cập nhật.

4. Liên tục và kịp thời: việc cập nhật dữ liệu lên hệ thống DTI phải được thực hiện thường xuyên và đảm bảo tính “đúng, đủ, sạch, sống” của dữ liệu, tính “an toàn, thống nhất, dùng chung” của hệ thống nhằm phục vụ kịp thời cho các đánh giá định kỳ.

5. Đảm bảo tính ổn định và logic: dữ liệu đánh giá phải có tính kế thừa và phù hợp với thực tiễn vận hành. Các biến động số liệu bất thường phải được giải trình và thẩm định bằng minh chứng cụ thể.

Điều 4. Mục đích sử dụng kết quả đánh giá

1. Xác định thực trạng và lộ trình chuyên đổi số của từng cơ sở giáo dục, từ đó có giải pháp hỗ trợ, đầu tư trọng tâm, trọng điểm.

2. Làm cơ sở để xem xét, công nhận danh hiệu Trường học số theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Kết quả đánh giá DTI là căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại chất lượng và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thủ trưởng cơ sở giáo dục vào cuối mỗi quý theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về cơ chế chi thu nhập tăng thêm; đánh giá thi đua hàng năm của cơ sở giáo dục và thủ trưởng cơ sở giáo dục.

Chương II

TIÊU CHUẨN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Điều 5. Các tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá DTI được thực hiện dựa trên 06 tiêu chuẩn thành phần, gồm:

Tiêu chuẩn 1: Thể chế số đánh giá sự sẵn sàng về mặt pháp lý và tổ chức của cơ sở giáo dục. Đây là tiêu chuẩn điều kiện tiên quyết.

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở vật chất, hạ tầng số đánh giá mức độ trang bị, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng số.

Tiêu chuẩn 3: Dữ liệu số đánh giá tài sản dữ liệu của cơ sở giáo dục.

Tiêu chuẩn 4: Nhân lực số đánh giá năng lực con người trong môi trường số.

Tiêu chuẩn 5: Quản trị và điều hành số đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ trong quản lý.

Tiêu chuẩn 6: Giáo dục số đánh giá hoạt động cốt lõi là dạy và học.

Nội dung chi tiết tại Phụ lục số I và II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Phương pháp chấm điểm và xếp loại

1. Thang điểm: mỗi tiêu chí được quy định một số điểm nhất định. Tổng điểm tối đa của bộ tiêu chí được quy định cụ thể trong văn bản hướng dẫn từng quý hoặc năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Kết quả xếp loại cuối cùng của cơ sở giáo dục sẽ xem xét đến chỉ số biến động dữ liệu để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững thay vì kết quả tại thời điểm đánh giá.

3. Xếp loại mức độ chuyển đổi số:

Căn cứ vào tổng điểm đạt được và các điều kiện bắt buộc, mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục được xếp thành 03 mức:

a) Mức độ 1 (Chưa đáp ứng): tổng điểm dưới Mức độ 1 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc không đạt yêu cầu tại các tiêu chí bắt buộc.

b) Mức độ 2 (Đáp ứng cơ bản): tổng điểm đạt Mức độ 2 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và đạt yêu cầu tại các tiêu chí bắt buộc.

c) Mức độ 3 (Đáp ứng tốt): tổng điểm đạt Mức độ 3 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và đạt yêu cầu tại các tiêu chí bắt buộc.

Chương III

QUY TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

Điều 7. Tài khoản và phân quyền trên hệ thống

1. Hệ thống đánh giá DTI sử dụng cơ chế đăng nhập một lần (SSO), cơ sở giáo dục sử dụng tài khoản đã được phân quyền trên hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo để đăng nhập.

2. Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản quản trị cao nhất; có thể phân quyền cho nhân sự được phân công phụ trách nhập liệu, nhưng quyền và trách nhiệm gửi kết quả đánh giá cuối cùng thuộc về thủ trưởng cơ sở giáo dục.

Điều 8. Quy trình tự đánh giá của cơ sở giáo dục

1. Quy trình tự đánh giá do cơ sở giáo dục thực hiện định kỳ vào mỗi quý/năm, gồm các bước sau:

Bước 1: Rà soát và cập nhật dữ liệu nguồn

Trước kỳ đánh giá, cơ sở giáo dục có trách nhiệm rà soát toàn bộ dữ liệu trên các hệ thống chuyên ngành. Đảm bảo dữ liệu dạy học, điểm số, hồ sơ nhân sự đã được cập nhật đầy đủ.

Thực hiện rà soát và làm sạch, loại bỏ các dữ liệu trùng lặp hoặc dữ liệu giữ chỗ (place holder) trước khi thực hiện đồng bộ dữ liệu minh chứng động.

Bước 2: Thực hiện đánh giá trên hệ thống

a) Truy cập chức năng tự đánh giá trên hệ thống DTI theo đúng tài khoản được phân quyền đánh giá.

b) Đối với các tiêu chí yêu cầu minh chứng tĩnh: tải lên các tệp tin (PDF, ảnh) minh chứng. Các văn bản tải lên phải đảm bảo tính pháp lý (có chữ ký, đóng dấu hoặc ký số).

c) Đối với các tiêu chí sử dụng minh chứng động: kiểm tra số liệu do hệ thống tự động hiển thị. Nếu số liệu sai lệch, phải điều chỉnh tại hệ thống nguồn, không thể chỉnh sửa trực tiếp trên hệ thống DTI.

d) Tự chấm điểm cho từng tiêu chí dựa trên minh chứng đã cung cấp.

Bước 3: Lưu và gửi kết quả đánh giá

a) Lưu kết quả tự đánh giá để ghi nhận kết quả tạm thời trong quá trình nhập liệu.

b) Sau khi hoàn tất nhập liệu, Thủ trưởng cơ sở giáo dục thực hiện gửi kết quả đánh giá về Sở Giáo dục và Đào tạo.

c) Không thể điều chỉnh kết quả đánh giá sau khi thủ trưởng cơ sở giáo dục thực hiện gửi kết quả về cơ quan quản lý.

d) Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá và thông báo kết quả cho cơ sở giáo dục để thực hiện bổ sung, đề nghị điều chỉnh kết quả đánh giá (nếu có).

2. Thời gian thực hiện: việc tự đánh giá phải hoàn thành trước ngày 20 của tháng cuối quý/năm (hoặc theo lịch cụ thể do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định).

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ

Điều 9. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Thủ trưởng cơ sở giáo dục

1. Kết quả DTI là căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc hàng quý đối với thủ trưởng cơ sở giáo dục của nhóm tiêu chí “*Thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao về triển khai, thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền ở Trung ương, Thành phố và của cơ quan, đơn vị về đột phá phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và về các định hướng chiến lược, đột phá khác trong xây dựng và phát triển đất nước mà cơ quan, đơn vị có liên quan*”.

2. Nguyên tắc quy đổi:

a) Cơ sở giáo dục đạt mức độ DTI từ Mức độ 2 trở lên và có xu hướng điểm số tăng trưởng hoặc duy trì ổn định ở mức cao so với quý trước, đạt yêu cầu ở những tiêu chí bắt buộc: thủ trưởng cơ sở giáo dục được đánh giá và xếp loại chất lượng thực hiện nhiệm vụ ở mức tối đa.

b) Cơ sở giáo dục xếp loại DTI Mức độ 1 hoặc không thực hiện đánh giá đúng hạn: Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản nhắc nhở hoặc phê bình về việc thực hiện nhiệm vụ, Thủ trưởng cơ sở giáo dục không được đánh giá và xếp loại chất lượng ở mức Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện báo cáo giải trình (nếu có) và tổng hợp báo cáo từ hệ thống DTI để chuyển bộ phận phụ trách thi đua làm căn cứ xét duyệt kết quả.

Điều 10. Công nhận Trường học số và khen thưởng

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả DTI của các quý, cả năm học và kết quả kiểm tra thực tế, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định công nhận các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học

phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn Thành phố đạt chuẩn Trường học số.

2. Các cơ sở giáo dục có thành tích xuất sắc trong chuyển đổi số sẽ được xem xét, khen thưởng các danh hiệu thi đua cao hoặc chọn làm mô hình điểm để nhân rộng.

Điều 11. Chế tài xử lý

1. Đối với các cơ sở giáo dục có tình cung cấp dữ liệu sai sự thật trên hệ thống DTI: thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Sở Giáo dục và Đào tạo và pháp luật. Kết quả đánh giá bị hủy và thủ trưởng cơ sở giáo dục sẽ bị xử lý theo quy định.

2. Cơ sở giáo dục để xảy ra tình trạng dữ liệu trùng lặp hoặc sử dụng dữ liệu giữ chỗ vượt 05% tổng số dữ liệu sẽ bị hủy kết quả đánh giá của tiêu chí tương ứng.

3. Đối với các cơ sở giáo dục chậm trễ trong việc nộp phiếu đánh giá làm ảnh hưởng đến tiến độ chung sẽ được xem xét, đánh giá kết quả thi đua hàng quý của thủ trưởng cơ sở giáo dục và kết quả thi đua năm học của cơ sở giáo dục (theo hướng dẫn hàng quý, năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo).

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Văn phòng:

Là đơn vị đầu mối, chịu trách nhiệm quản lý, vận hành kỹ thuật Hệ thống DTI. Tham mưu ban hành các văn bản tổ chức, hướng dẫn cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá.

Trực tiếp đánh giá DTI của cơ sở giáo dục; gửi kết quả đến Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu để làm căn cứ đánh giá, xếp loại chất lượng theo hiệu quả công việc hàng quý đối với thủ trưởng cơ sở giáo dục; thi đua hàng năm đối với cơ sở giáo dục.

Tổng hợp báo cáo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn Trường học số.

2. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở phối hợp với Văn phòng đánh giá nội dung chuyên môn của các cơ sở giáo dục.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Thủ trưởng cơ sở giáo dục trực tiếp chỉ đạo xây dựng Kế hoạch, thành lập Tổ công tác và phân công nhân sự thực hiện các nhiệm vụ đánh giá DTI.

2. Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, thiết bị và nhân lực để duy trì hoạt động chuyển đổi số thường xuyên, liên tục, tạo ra nguồn dữ liệu minh chứng động phản ánh đúng, đầy đủ về hoạt động chuyển đổi số tại cơ sở giáo dục.

3. Thực hiện tự đánh giá trung thực, đúng hạn và chịu trách nhiệm giải trình về các số liệu đã báo cáo.

Điều 14. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Kinh phí triển khai, duy trì hạ tầng số, phần mềm quản lý và bồi dưỡng nhân lực số được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hiện hành, nguồn thu hợp pháp của cơ sở giáo dục và nguồn xã hội hóa giáo dục theo quy định của pháp luật.

3. Khi các quy định liên quan có thay đổi, Văn phòng chịu trách nhiệm thông báo, hướng dẫn cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện đánh giá DTI; tham mưu Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định thay thế Quyết định này theo đúng quy định.

4. Trong trường hợp Hệ thống đánh giá DTI gặp sự cố kỹ thuật bất khả kháng làm ảnh hưởng đến tiến độ nộp báo cáo, Văn phòng chịu trách nhiệm thông báo phương án xử lý thay thế hoặc gia hạn thời gian đánh giá.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có sự thay đổi về các quy định có liên quan, đơn vị phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo (thông qua Văn phòng) để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Sở xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.